

## Phụ lục 8

### Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai tại các bộ môn

#### Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

#### A. Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai tại các bộ môn.

##### *I. Chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật*

##### **1. Hướng nghiên cứu**

##### *1.1. Nhóm nghiên cứu Lý luận nhà nước và pháp luật, Xã hội học pháp luật*

1. Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự;
2. Chức năng nhà nước đương đại;
3. Lý luận pháp luật, nguồn pháp luật;
4. Văn hóa pháp luật và văn hóa nhân quyền;
5. Xã hội học xây dựng, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật;
6. Xã hội học tiếp cận công lý, pháp luật;
7. Xã hội học pháp luật về các vấn đề xã hội.

##### *1.2. Nhóm nghiên cứu Lịch sử nhà nước và pháp luật gồm các hướng nghiên cứu chính:*

1. Lịch sử tư tưởng pháp luật: Nghiên cứu giá trị đương đại của các hệ tư tưởng, các thiết chế chính trị trong lịch sử và khả năng kế thừa trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay;
2. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt nam: Nghiên cứu các khía cạnh của truyền thống pháp luật Việt Nam: văn hóa pháp luật truyền thống; đặc điểm về nguồn và hình thức pháp luật, cách thức xây dựng và ban hành, thực hiện pháp luật trong xã hội Việt Nam truyền thống; nội dung cơ bản của pháp luật trong các giai đoạn phát triển của lịch sử pháp luật; hương ước, luật tục...
3. Lịch sử pháp luật thế giới;
4. Nghiên cứu lịch sử tổ chức nhà nước và pháp luật của các nước trong khu vực và sự tương tác với Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử;

5. Nghiên cứu nội dung và giá trị của các Bộ luật lớn, các trường phái pháp luật lớn trong lịch sử pháp luật thế giới;
6. Nghiên cứu các mô hình lập hiến và lập pháp trên thế giới;
7. Nghiên cứu lịch sử kĩ thuật lập pháp trên thế giới;
8. Nghiên cứu các hình thức nhà nước và các xu hướng vận động của pháp luật trên thế giới ...
9. Tư tưởng chính trị - pháp lý Việt nam;
10. Nghiên cứu các khía cạnh của truyền thống pháp luật Việt Nam: văn hóa pháp luật truyền thống; đặc điểm về nguồn và hình thức pháp luật, cách thức xây dựng và ban hành, thực hiện pháp luật trong xã hội Việt Nam truyền thống; nội dung cơ bản của pháp luật trong các giai đoạn phát triển của lịch sử pháp luật; hương ước, luật tục...
11. Nghiên cứu tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Hồ Chí Minh;
12. Nhà nước và pháp luật các quốc gia thuộc ASEAN.

#### *1.3. Nhóm nghiên cứu Luật học so sánh, lý thuyết pháp luật, gồm các hướng nghiên cứu chính*

1. Phương pháp so sánh luật học;
2. Các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới;
3. Các lý thuyết hiện đại về pháp luật;
4. Kỹ thuật lập pháp hiện đại;
5. Hiện đại hóa pháp luật và xu hướng phát triển pháp luật trên thế giới.

#### *1.4. Nhóm nghiên cứu chính sách, pháp luật và phát triển*

1. Phân tích chính sách;
2. Pháp luật và phát triển bền vững;
3. Thực hiện pháp luật về quyền con người;
4. Cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong xã hội;
5. Xã hội dân sự;
6. Sự tham gia, trách nhiệm giải trình và dân chủ ở địa phương;
7. Dịch vụ pháp lý.

### **2. Danh mục các đề tài nghiên cứu đang thực hiện**

1. Chính sách, pháp luật về tự do hiệp hội ở Việt Nam hiện nay;

2. Vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay;
3. Giáo dục pháp luật cho giáo viên các trường phổ thông, liên hệ thực tiễn ở thành phố Hà Nội;
4. Hệ thống pháp luật Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa và hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC);
5. Pháp luật về công chức cấp xã ở Việt Nam hiện nay;
6. Kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong pháp luật Việt Nam: Lý luận và thực tiễn;
7. Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý luật sư và hành nghề luật sư ở Việt Nam;
8. Giáo dục pháp luật cho thanh niên trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay;
9. Thực hiện pháp luật về bảo đảm và bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực lao động và việc làm ở Việt Nam hiện nay;
10. Cơ chế xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay;
11. Hoàn thiện pháp luật để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ và ổn định theo tinh thần Hiến pháp năm 2013;
12. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam ở Việt Nam hiện nay;
13. Mối quan hệ nhà nước và cá nhân trong chế độ sở hữu ở Việt Nam;
14. Quản trị địa phương ở các nước Châu Âu: Anh, Pháp, Đức và sự tiếp thu kinh nghiệm cho Việt Nam;
15. Mối quan hệ giữa hiến pháp và quyền con người;
16. Tác động của hiệp định thương mại tự do đối với việc bảo đảm quyền con người ở Việt Nam;
17. Chế định Ủy ban thường vụ Quốc hội Việt Nam;
18. Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định trưng cầu ý dân;
19. Hoạt động phòng, chống tham nhũng của thanh tra Chính phủ ở Việt Nam hiện nay;
20. Kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay;
21. Bảo đảm quyền công dân trong lĩnh vực chính trị của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay;

22. Chủ nghĩa Hiến pháp: Nhận thức và việc vận dụng ở Việt Nam;
23. Vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay;
24. Giáo dục pháp luật cho giáo viên các trường phổ thông, liên hệ thực tiễn ở thành phố Hà Nội;
25. Hệ thống pháp luật Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa và hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC);
26. Kiểm soát thực hiện quyền lập pháp ở Việt Nam hiện nay;
27. Bảo đảm quyền biểu tình của công dân ở Việt Nam hiện nay;
28. Giáo dục pháp luật cho thanh niên trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay;
29. Thực hiện pháp luật về đảm và bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực lao động và việc làm ở Việt Nam hiện nay;
30. Cơ chế xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay;
31. Cơ chế pháp lý về sự tham gia của công dân vào hoạt động phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
32. Vai trò của tổ tụng hành chính trong bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

## ***II. Chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính***

### ***2.1. Luật hiến pháp và luật hành chính***

***Các vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến những chủ đề sau:***

1. Chế độ chính trị;
2. Bộ máy nhà nước;
3. Kiểm soát quyền lực nhà nước;
4. Cơ chế bảo hiến;
5. Các thiết chế hiến định độc lập
6. Quyền lập pháp
7. Quyền hành pháp;
8. Quyền tư pháp;
9. Bầu cử;
10. Dân chủ trực tiếp;

11. Dân chủ đại diện;
12. Dân chủ ở cấp địa phương;
13. Phân quyền trong tổ chức quyền lực nhà nước;
14. Nhà nước pháp quyền;
15. Quyền con người;
16. Bộ máy hành chính;
17. Cải cách hành chính;
18. Hiến pháp;
19. Chủ nghĩa hiến pháp;
20. Chủ quyền nhân dân;
21. Quốc hội;
22. Chủ tịch nước;
23. Chính phủ;
24. Tòa án;
25. Viện kiểm sát;
26. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
27. Các thiết chế hiến định độc lập;
28. Chính quyền địa phương;
29. Hội đồng nhân dân;
30. Ủy ban nhân dân;
31. Tư pháp phục hồi;
32. Tư pháp với người chưa thành niên;
33. Độc lập tư pháp;
34. Liêm chính tư pháp;
35. Trách nhiệm tư pháp;
36. Quyền con người, quyền công dân;
37. Hạn chế quyền;
38. Phòng, chống tham nhũng;

39. Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, kỷ luật công chức;
40. Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, kỷ luật viên chức;
41. Quyết định hành chính;
42. Xây dựng và sửa đổi hiến pháp;
43. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
44. Xử lý vi phạm hành chính;
45. Các biện pháp hành chính;
46. Tổ tụng hành chính;
47. Tòa án hành chính;
48. Hợp đồng hành chính;
49. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại;
50. Tố cáo và giải quyết tố cáo;
51. Thanh tra;
52. Phân chia đơn vị hành chính;
53. Phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương;
54. Trách nhiệm kỷ luật của công chức;
55. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước;
56. Chế độ công vụ;
57. Trách nhiệm công vụ;
58. Đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt;

## **2.2. Lý luận và pháp luật về quyền con người**

**Các vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến những chủ đề sau:**

1. Nguồn gốc, bản chất của quyền con người;
2. Phân loại quyền con người;
3. Quyền con người và quyền công dân;
4. Quyền cá nhân;
5. Quyền của nhóm;
6. Quyền tập thể;

7. An ninh con người;
8. Nghĩa vụ của nhà nước về quyền con người;
9. Giới hạn của quyền con người;
10. Tạm đình chỉ quyền con người;
11. Pháp luật và quyền con người;
12. Chính trị và quyền con người;
13. Dân chủ và quyền con người;
14. Văn hoá và quyền con người;
15. Tôn giáo và quyền con người;
16. Nho giáo và quyền con người;
17. Ki-tô giáo và quyền con người;
18. Hồi giáo và quyền con người;
19. Phật giáo và quyền con người;
20. Kinh doanh và quyền con người;
21. Toàn cầu hóa và quyền con người;
22. Khủng bố và quyền con người;
23. Trí tuệ nhân tạo và quyền con người;
24. Báo chí và nhân quyền;
25. Internet và nhân quyền;
26. Mạng xã hội và nhân quyền;
27. Toà án và nhân quyền;
28. Nghị viện và nhân quyền;
29. Giáo dục nhân quyền;
30. Lịch sử phát sinh, phát triển, đặc điểm, tính chất, nội dung của luật nhân quyền quốc tế;
31. Vấn đề quyền con người trong luật nhân đạo quốc tế;
32. Vấn đề quyền con người trong luật hình sự quốc tế;
33. Vấn đề quyền con người trong luật thương mại quốc tế;
34. Can thiệp nhân đạo và quyền con người;
35. Quyền con người trong quan hệ quốc tế;

36. Quyền con người trong chính sách đối ngoại của các nước phương Tây;
37. Quyền con người và phát triển bền vững;
38. Quyền con người và phòng, chống tham nhũng;
39. Bộ máy/ cơ chế bảo vệ, thúc đẩy quyền con người của Liên hợp quốc;
40. Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc;
41. Các thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc;
42. Các ủy ban giám sát điều ước nhân quyền Liên hợp quốc;
43. Tòa án Nhân quyền châu Âu;
44. Tòa án và Ủy ban Nhân quyền châu Mỹ;
45. Tòa án và Ủy ban Nhân quyền châu Phi;
46. Cơ chế nhân quyền ASEAN;
47. Cơ chế UPR;
48. Cơ chế quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền;
49. Cơ quan nhân quyền quốc gia (NHRI);
50. Việt Nam với việc thực thi các công ước nhân quyền;
51. Việt Nam với các cơ chế bảo vệ quyền con người của Liên hợp quốc;
52. Việt Nam và cơ chế UPR;
53. Quyền con người trong hoạt động tư pháp;
54. Quyền của các nhóm yếu thế (trẻ em, phụ nữ, người thiểu số, LGBTIQ, người bị tước tự do, người cao tuổi, người nước ngoài, người không quốc tịch, người lao động di trú, người sống chung với HIV/AIDS, người tỵ nạn, người tìm kiếm nơi lánh nạn, ...);
55. Lao động trẻ em;
56. Những hình thức nô lệ hiện đại;
57. Quyền sống;
58. Quyền sống trong môi trường trong lành;
59. Quyền sống trong hoà bình;
60. Quyền tự do và an ninh cá nhân;
61. Quyền con người trong tình trạng khẩn cấp;



62. Quyền được bảo vệ đời tư;
63. Quyền có mức sống thích đáng;
64. Quyền có nơi ở thích đáng;
65. Quyền tự do đi lại và cư trú;
66. Quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tôn giáo;
67. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí;
68. Quyền tiếp cận thông tin;
69. Quyền tự do hội họp, hiệp hội, biểu tình;
70. Quyền bình đẳng trước pháp luật;
71. Quyền có quốc tịch;
72. Quyền bình đẳng nam, nữ;
73. Quyền bầu cử, ứng cử;
74. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội;
75. Quyền khiếu nại, tố cáo;
76. Quyền được tổ tụng công minh;
77. Cấm tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục;
78. Quyền tiếp cận công lý;
79. Quyền được trợ giúp pháp lý;
80. Hình phạt tử hình;
81. Quyền sở hữu tài sản;
82. Quyền tự do kinh doanh;
83. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội;
84. Quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc;
85. Quyền được trả lương thích đáng, được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn;
86. Cấm lao động cưỡng bức, lao động trẻ em;
87. Quyền kết hôn, ly hôn, thành lập gia đình;
88. Quyền bình đẳng trong hôn nhân, gia đình;

89. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe;
90. Quyền hưởng an sinh xã hội;
91. Quyền được giáo dục;
92. Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó;
93. Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa;
94. Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp;
95. Chế độ nô lệ;
96. Những hình thức nô lệ hiện đại;
97. ....

### **2.3. Lý luận và pháp luật về quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng**

**Các vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến những chủ đề sau:**

1. Quản trị và quản lý nhà nước;
2. Quản trị tốt;
3. Hành chính công;
4. Mối quan hệ giữa quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng;
5. Nguyên nhân, bản chất, dạng thức biểu hiện, tác hại của tham nhũng;
6. Giải pháp phòng, chống tham nhũng;
7. Tham nhũng nhỏ;
8. Tham nhũng lớn;
9. Tham nhũng chính sách;
10. Lũng đoạn nhà nước;
11. Chủ nghĩa tư bản thân hữu;
12. Quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng trong lịch sử Việt Nam;
13. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng Bộ luật Hồng Đức;
14. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng trong Bộ luật Gia Long;

15. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng qua các thư tịch cổ khác của Việt Nam;
16. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng trong thời kỳ Pháp thuộc ở Việt Nam;
17. Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng;
18. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng;
19. Pháp luật về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam kể từ 1945 đến nay;
20. Pháp luật về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam kể từ Đổi mới (1986) đến nay;
21. Pháp luật về quản trị nhà nước và/hoặc phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
22. Pháp luật về xử lý hành vi tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
23. Pháp luật về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước ở Việt Nam hiện nay;
24. Pháp luật về công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay;
25. Pháp luật về trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở Việt Nam hiện nay;
26. Pháp luật về bảo vệ người tố cáo tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
27. Pháp luật về kiểm soát quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam hiện nay;
28. Pháp luật về kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam hiện nay;
29. Pháp luật về thu hồi và/hoặc xử lý tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
30. Pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
31. Giáo dục liêm chính ở Việt Nam hiện nay;
32. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng;
33. Các cơ chế quốc tế, khu vực về chống tham nhũng;
34. Nội luật hoá Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng vào hệ thống pháp luật Việt Nam;
35. Thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng ở Việt Nam;

36. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng;
37. Vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng;
38. Cơ quan phòng, chống tham nhũng.

### **III. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự**

#### **3.1. Lĩnh vực luật dân sự**

1. Nguyên tắc thiện chí trung thực trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
2. Nguyên tắc cấm lạm dụng quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
3. Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
4. Vai trò của luật tư trong hợp đồng hành chính;
5. Vai trò của chế định đại diện trong pháp luật kinh doanh, thương mại;
6. Những vấn đề pháp lý về tài sản mã hóa;
7. Pháp luật về đăng ký tài sản kinh nghiệm từ một số quốc gia;
8. Bảo vệ quyền nhân thân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
9. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
10. Chuyển đổi giới tính trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
11. Phân loại nghĩa vụ thành quả và nghĩa vụ miễn cản trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
12. Hứa thưởng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
13. Thực hiện công việc không có uỷ quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
14. Tự do hợp đồng: lý thuyết và thực tiễn;
15. Nguyên tắc “Tự do hợp đồng” và giới hạn của nguyên tắc “Tự do hợp đồng” trong pháp luật dân sự qua lăng kính hợp đồng lao động;
16. Bảo vệ bên yếu thế trong quan hệ hợp đồng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
17. Điều khoản miễn trừ và hạn chế trách nhiệm dân sự trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
18. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng thông minh;
19. Đề nghị giao kết hợp đồng tới công chúng - Lý luận và thực tiễn;
20. Hợp đồng dân sự vô hiệu do nhầm lẫn trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
21. Chuyển giao hợp đồng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
22. Quy chế pháp lý về chuyển giao trái quyền từ góc nhìn pháp luật so sánh;
23. Quy chế pháp lý về chuyển giao nghĩa vụ trong sáp nhập, chia và tách công ty;
24. Bảo vệ người thứ ba ngay tình theo pháp luật dân sự Việt Nam;
25. Bảo vệ người thứ ba trong quan hệ đại diện theo pháp luật dân sự Việt Nam
26. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân;

27. Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
28. Năng lực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của cá nhân;
29. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do thực phẩm không an toàn gây ra;
30. Bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường;
31. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của pháp nhân;
32. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra;
33. Xác định thiệt hại trong bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;
34. Bồi thường thiệt hại về tinh thần trong pháp luật Việt Nam và thế giới;
35. Tồn thất kinh tế thuần tuý trong pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam và thế giới;
36. Vai trò của lỗi trong pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam và thế giới;
37. Trách nhiệm dân sự thay thế trong pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam và thế giới;
38. Chiếm hữu theo pháp luật Việt Nam và thế giới;
39. Quyền hưởng dụng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
40. Quyền bề mặt trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
41. Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng động sản;
42. Thứ tự ưu tiên trong pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
43. Cầm giữ tài sản theo pháp luật Việt Nam và thế giới;
44. Bảo lưu quyền sở hữu theo pháp luật Việt Nam;
45. Nguyên tắc pháp định của vật quyền;
46. Sở hữu chung hợp nhất trong pháp luật Việt Nam và thế giới;
47. Sở hữu chung theo phần trong pháp luật Việt Nam và thế giới;
48. Giới hạn quyền sở hữu trong bảo vệ văn hoá phi vật thể;
49. Thừa kế tư cách thành viên công ty - Lý luận và thực tiễn;
50. Pháp luật về thừa kế trong bối cảnh cách mạng 4.0;
51. Thừa kế quyền sở hữu trí tuệ - Lý luận và thực tiễn;
52. Di chúc chung của vợ chồng và hợp đồng di chúc từ góc nhìn pháp luật so sánh;
53. Sự giao thoa trong pháp luật về đại diện và pháp luật về thừa kế;
54. Quản lý di sản thờ cúng theo pháp luật Việt Nam;
55. Xây dựng chế định uỷ thác trong Bộ luật Dân sự: Kinh nghiệm của một số quốc gia đang chuyển đổi và khuyến nghị cho Việt Nam;
56. Đắc lợi vô căn;
57. Vật quyền phụ thuộc/hạn chế;

58. Tài sản công;
59. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch/hợp đồng;
60. Hành vi pháp lý đơn phương.

### **3.2. Lĩnh vực luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự**

1. Pháp luật tố tụng dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
2. Xây dựng mô hình chế định khởi kiện tập thể trong tố tụng dân sự Việt Nam;
3. Xây dựng mô hình tòa án điện tử trong giải quyết vụ việc dân sự ở Việt Nam;
4. Chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự;
5. Nền tảng cơ bản của Luật nội dung trong khởi kiện tập thể;
6. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự;
7. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự;
8. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự;
9. Biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng;
10. Phiên tòa dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
11. Pháp luật thi hành án dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

### **3.3. Lĩnh vực luật sở hữu trí tuệ**

1. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam;
2. Trách nhiệm dân sự của các nhà cung cấp dịch vụ Internet đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ do người dùng thực hiện;
3. Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả gián tiếp;
4. Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gián tiếp;
5. Bảo hộ nhãn hiệu phi truyền thống trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam;
6. Bảo hộ nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi;
7. Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp theo pháp luật Việt Nam;
8. Bảo hộ sáng chế dạng sử dụng;
9. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;
10. Bảo hộ chồng lấn giữa quyền tác giả và kiểu dáng công nghiệp;
11. Bảo hộ chồng lấn giữa quyền tác giả và nhãn hiệu;
12. Giải quyết tranh chấp giữa nhãn hiệu và tên thương mại;
13. Bảo hộ phần mềm máy tính theo pháp luật Việt Nam;
14. Bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp theo pháp luật Việt Nam;
15. Bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới theo pháp luật Việt Nam;
16. Trí tuệ nhân tạo và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật sở hữu trí tuệ;

17. Công nghệ in 3D và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật sở hữu trí tuệ;
18. Pháp điển hóa pháp luật sở hữu trí tuệ.

### **3.4. Lĩnh vực luật hôn nhân và gia đình**

1. Hiệu lực của thoả thuận về chế độ tài sản của vợ chồng;
2. Xây dựng chế định kết hợp dân sự ở Việt Nam;
3. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
4. Nguyên tắc bảo vệ trẻ em trong pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;
5. Xây dựng chế định hôn nhân thực tế ở Việt Nam.

### **IV. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự**

1. Các xu hướng phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam;
2. Các xu hướng phát triển của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam;
3. Các xu hướng phát triển của pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam;
4. Chính sách hình sự trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0;
5. Chính sách pháp luật tố tụng hình sự;
6. Chính sách pháp luật thi hành án hình sự;
7. Kỹ thuật lập pháp hình sự, tố tụng hình sự;
8. Tư pháp hình sự Việt Nam trước thách thức an ninh phi truyền thống;
9. Luật hình sự so sánh;
10. Quyền con người trong tư pháp hình sự;
11. Các chức năng của tố tụng hình sự;
12. Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự;
13. Chủ thể của tố tụng hình sự;
14. Những biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự;
15. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự;
16. Thủ tục tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân;
17. Các thủ tục tố tụng hình sự đặc biệt;
18. Luật tố tụng hình sự so sánh.

### **V. Chuyên ngành Luật kinh tế**

#### **5.1. Lĩnh vực luật thương mại**

1. Cải cách luật thương mại đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0;
2. Pháp điển hóa luật thương mại;
3. Chủ thể luật thương mại;
4. Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại.
5. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng;
6. Pháp luật về thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ;
7. Pháp luật cạnh tranh;
8. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp;
9. Pháp luật về tổ chức kinh doanh so sánh;
10. Pháp luật về đầu tư, đầu tư công;
11. Pháp luật về tái cấu trúc doanh nghiệp;
12. Môi trường pháp lý kinh doanh;
13. Pháp điển hóa luật thương mại;
14. Cải cách luật thương mại đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0.

### **5.2. Lĩnh vực luật tài chính – ngân hàng**

1. Hoàn thiện pháp luật về thị trường tài chính ở Việt Nam trong bối cảnh tự do hóa tài chính;
2. Hoàn thiện pháp luật về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế;
3. Pháp luật về cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện;
4. Pháp luật về thuế tài sản.

### **5.3. Lĩnh vực luật lao động và an sinh xã hội**

1. Cải cách pháp luật lao động đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0;
2. Pháp luật việc làm cho lao động đặc thù;
3. Tiêu chuẩn lao động quốc tế cơ bản và sự nội luật hóa trong pháp luật lao động Việt Nam;
4. Bảo vệ quyền của người lao động trong pháp luật lao động;
5. Pháp luật về bảo hiểm xã hội;



6. Pháp luật về trợ giúp xã hội cho người khuyết tật;
7. Tiếp cận các dịch vụ xã hội theo pháp luật Việt Nam.

#### **5.4. Lĩnh vực luật đất đai**

1. Pháp luật về thu hồi đất do vi phạm luật đất đai;
2. Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam;
3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh bất động sản;
4. Pháp luật về hoạt động quản lý kinh doanh bất động sản;
5. Pháp luật về kiểm soát quyết định thu hồi đất theo pháp luật Việt Nam;
6. Pháp luật về định giá đất trong bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở Việt Nam;
7. Pháp luật về quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa ở Việt Nam;
8. Quy hoạch xây dựng các trường Đại học tư thục cho đô thị thông minh ở Việt Nam;
9. Quản trị tài chính trong Đại học tư thục cho đô thị thông minh ở Việt Nam;
10. Kiểm soát trình tự, thủ tục thu hồi đất theo pháp luật Việt Nam;
11. Thi hành pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thu hồi đất theo pháp luật Việt Nam;
12. Pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo ở Việt Nam;
13. Giải quyết tranh chấp đất đai trong áp dụng án lệ tại tòa án nhân dân ở Việt Nam;
14. Pháp luật về xử lý rác thải đô thị theo pháp luật Việt Nam.

#### **5.5. Lĩnh vực luật môi trường**

1. Pháp luật về tài nguyên môi trường biển;
2. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong các làng nghề truyền thống;
3. Pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học, rừng ngập mặn;
4. Pháp luật về phòng, chống ô nhiễm môi trường trong sử dụng đất nông nghiệp;
5. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch;
6. Pháp luật về biến đổi khí hậu;
7. Pháp luật về thông tin môi trường;
8. Pháp luật về kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước;

9. Pháp luật kiểm soát ô nhiễm không khí;
10. Pháp luật về đánh giá tác động môi trường;
11. Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại;
12. Pháp luật về bảo vệ giải quyết tranh chấp môi trường tại địa phương;
13. Xử lý vi phạm pháp luật môi trường;
14. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xuất khẩu;
15. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu;
16. Pháp luật về thuế phí bảo vệ môi trường;
17. Pháp luật về bảo vệ môi trường khi khai thác tài nguyên trong lòng đất.

## **VI. Chuyên ngành Luật quốc tế**

### **6.1. Lĩnh vực Công pháp quốc tế**

1. Pháp luật và thực tiễn quốc tế liên quan đến an ninh, hòa bình, biên giới, lãnh thổ.
2. Các cơ chế, thiết chế, thực tiễn giải quyết tranh chấp quốc tế
3. Các cơ chế, quy định, hợp tác quốc tế nhằm đối phó, giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu: biến đổi khí hậu; khủng bố; đói nghèo; tội phạm; môi trường...mang tính chất quốc tế...
4. Những phát triển mới về lý luận, học thuyết, thực tiễn trong lĩnh vực luật quốc tế: vai trò của các chủ thể phi nhà nước; nguồn của Luật quốc tế.
5. Những vấn đề liên quan trực tiếp đến Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo thực thi pháp luật quốc tế: vấn đề chủ quyền biển, đảo; hợp tác gìn giữ hòa bình, thực hiện sứ mạng nhân đạo quốc tế; hợp tác về quyền con người; bảo hộ công dân, nhà đầu tư; cơ chế quốc gia về ký kết và thực thi các điều ước quốc tế.

### **6.2. Lĩnh vực Tư pháp quốc tế**

1. Những phát triển mới trong pháp luật Việt Nam về vấn đề giải quyết xung đột pháp luật và tổ tụng dân sự quốc tế.
2. Quy định và đảm bảo thực thi thẩm quyền xét xử dân sự, thương mại quốc tế của tòa án Việt Nam.
3. Các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài; bảo vệ người nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
4. Những vấn đề về hợp tác quốc tế (đa phương, song phương) giữa Việt Nam với nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại.

5. Nghiên cứu pháp luật, thực tiễn, kinh nghiệm nước ngoài về điều chỉnh pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp quốc tế.
6. Một số vấn đề thuộc Tư pháp quốc tế đối với Việt Nam: nuôi con nuôi; hôn nhân quốc tế; lao động có yếu tố nước ngoài; bảo hộ công dân; hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và Hội nghị Lahaye về Tư pháp quốc tế.

### **6.3. Lĩnh vực Luật thương mại quốc tế**

1. Những phát triển mới về Luật thương mại quốc tế về các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại đầu tư và thương mại sở hữu trí tuệ; trên bình diện đa phương, khu vực, song phương, đơn phương.
2. Nghiên cứu chính sách, pháp luật, thực tiễn thương mại quốc tế của một số đối tác thương mại quan trọng: EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc...
3. Nghiên cứu những vấn đề pháp lý mới đặt ra đối với thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay: những vấn đề liên quan đến thương mại (môi trường, tiêu chuẩn xã hội, lao động; nhân quyền...); vai trò của chủ thể phi nhà nước, doanh nghiệp, NGOs); tính pháp lý và đa phương của hệ thống thương mại của WTO.
4. Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam trong việc thực thi các cam kết tự do hóa thương mại, hội nhập khu vực và quốc tế.
5. Các vấn đề liên quan đến thống nhất hóa, hài hòa hóa pháp luật giữa Việt Nam với nước ngoài, quốc tế như: luật hàng hải, luật thương mại, dân sự, doanh nghiệp, đầu tư...

## **B. Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh**

### ***I. Bộ môn Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật***

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chuyên ngành</b>
	GS.TSKH Đào Trí Úc	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & PL; Luật Hình sự
	GS.TS Hoàng Thị Kim Quế	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
	PGS.TS Nguyễn Hoàng Anh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hành chính
	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
	TS Nguyễn Văn Quân	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật

	TS Mai Văn Thắng	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
	PGS.TS Tô Văn Hòa	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật hiến pháp
	PGS.TS Võ Trí Hào	Khoa Luật Kinh tế ĐH Kinh tế TP HCM	Luật học
	PGS.TS Vũ Công Giao	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hiến pháp, Luật nhân quyền
	PGS.TS Đặng Minh Tuấn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp
	PGS.TS Trương Hồ Hải	Học viện chính trị Quốc gia HCM	Lý luận & LSNN & pháp luật
	PGS.TS Tào Thị Quyên	Viện NNPL, Học viện CTQG HCM	Lý luận & LSNN & pháp luật

**II. Bộ môn Luật hiến pháp và luật hành chính**

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	GS.TS Phạm Hồng Thái	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật hành chính
2.	GS.TS Nguyễn Đăng Dung	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp
3.	PGS.TS Vũ Công Giao	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hiến pháp, Luật nhân quyền
4.	PGS.TS Đặng Minh Tuấn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp
5.	PGS.TS Võ Trí Hào	Khoa Luật Kinh tế ĐH Kinh tế TP HCM	Luật học
6.	TS. Bùi Tiến Đạt	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hành chính
7.	TS. Nguyễn Thị Minh Hà	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hành chính

8.	TS. Ngô Thị Minh Hương	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Nhân quyền
9.	PGS.TS. Chu Hồng Thanh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
10.	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
11.	TS. Nguyễn Linh Giang	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN	Luật công
12.	TS. Đoàn Thị Tố Uyên	Trường ĐH Luật Hà Nội	Lý luận & LSNN & pháp luật
13.	PGS.TS Hoàng Văn Nghĩa	Học viện CTQG HCM	Luật Nhân quyền
14.	PGS.TS. Nguyễn Quốc Sửu	Đại học Nội vụ	Lý luận & LSNN & pháp luật
15.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Học viện chính trị Quốc gia HCM	Luật nhân quyền
16.	PGS.TS Tô Văn Hòa	Đại học Luật HN	Luật hiến pháp
17.	PGS.TS Đỗ Đức Minh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
18.	PGS.TS Trương Hồ Hải	Học viện chính trị Quốc gia HCM	Lý luận & LSNN & pháp luật

### **III. Bộ môn Luật dân sự**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chuyên ngành</b>
	PGS.TS Ngô Huy Cương	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	PGS.TS Nguyễn Thị Quế Anh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Dân sự
	TS. Trần Kiên	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Dân sự
	TS. Phan Quốc Nguyên	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Dân sự

	PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh	Học viện khoa học xã hội	Luật Dân sự
	TS. Hồ Ngọc Hiến	Học viện khoa học xã hội	Luật Dân sự

**IV. Bộ môn Tư pháp hình sự**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chuyên ngành</b>
	GS.TSKH Lê Văn Cẩm	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
	PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
	PGS.TS.Trịnh Tiến Việt	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
	PGS.TS.Đỗ Thị Phượng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Hình sự
	TS. Lê Lan Chi	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
	TS. Nguyễn Thị Lan	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
	PGS.TS. Dương Tuyết Miên	Học viện Toà án	Luật Hình sự

**V. Bộ môn Luật kinh doanh**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chuyên ngành</b>
	PGS.TS Lê Thị Hoài Thu	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	PGS.TS Ngô Huy Cương	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	PGS.TS Doãn Hồng Nhung	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	TS Phan Thị Thanh Thủy	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	TS Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế

	PGS.TS Lê Thị Thu Thủy	ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	TS. Nguyễn Trọng Điệp	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
	PGS. TS Bùi Nguyên Khánh	Học viện KHXH	Luật Kinh tế
	PGS. TS Nguyễn Quang Tuyến	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế
1	TS. Nguyễn Vinh Hưng	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế

#### **IV. Bộ môn Luật quốc tế**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chuyên ngành</b>
	PGS.TS Nguyễn Tiến Vinh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
	GS.TS Nguyễn Bá Diễn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
	TS.GVC Nguyễn Lan Nguyên	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
	TS Nguyễn Thị Xuân Sơn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
	PGS.TS Đoàn Năng	Khoa Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
	PGS.TS Nguyễn Hồng Thao	Học viện Ngoại giao	Luật quốc tế
	PGS.TS Ngô Quốc Chiến	Trường Đại học Ngoại thương	Luật quốc tế
	GS.TS Hervé ACENSIO	Đại học Paris 1 Panthéon - Sorbonne Cộng hòa Pháp	Luật quốc tế
	GS.TS Pierre KLEIN	Đại học Libre de Bruxelles, Vương quốc Bỉ	Luật quốc tế
1	GS.TS Naoshi TAKASUGI	Đại học Kyoto, Nhật	Luật quốc tế





